

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN NGÀY 30/06/2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 – 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG
Số 104/4, Ấp Hòa Bình, Xã Giang Điền,
Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư LDG (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Khánh Hưng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên
	Ông Lê Văn Vũ	Thành viên
	Ông Lương Trí Thảo	Thành viên (Từ nhiệm ngày 06/04/2020)
	Ông Lê Văn Hưng	Thành viên
	Ông Ngô Ngọc Huyền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/06/2020)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Minh Khang	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Vy Liêm	Phó Tổng Giám đốc khối Kinh doanh – tiếp thị
	Ông Ngô Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc khối Vận hành
	Ông Đặng Quang Hải	Giám đốc Tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Khánh Hưng

Chủ tịch HĐQT

Ngày 10 tháng 08 năm 2020

Số: 258 /DFK-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông,**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư LDG

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của **Công ty Cổ phần Đầu tư LDG và các công ty con** (gọi tắt là "Tập đoàn") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 08 năm 2020, từ trang 03 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0985-2018-042-1

Giấy ủy quyền số 03/UQ-DFK/2020 ngày 06/01/2020

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020


MẪU B 01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

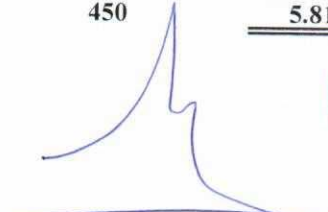
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.489.870.276.168	3.943.309.591.344
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	30.065.106.822	40.049.658.795
1. Tiền	111		30.065.106.822	35.002.472.034
2. Các khoản tương đương tiền	111		-	5.047.186.761
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	2.505.173.667.329	1.833.964.292.728
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		360.541.656.244	502.997.048.550
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		85.835.994.063	210.503.506.413
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		978.000.000	913.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136		2.057.818.017.022	1.119.550.737.765
IV. Hàng tồn kho	140		1.660.435.714.983	1.735.304.670.831
1. Hàng tồn kho	141	6	1.660.435.714.983	1.735.304.670.831
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		294.195.787.034	333.990.968.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	246.572.652.952	276.396.383.407
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.625.136.672	51.829.239.157
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		8.997.997.410	5.765.346.426
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.327.334.114.986	1.905.181.825.884
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		775.246.901.978	1.385.863.562.848
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	775.246.901.978	1.385.863.562.848
II. Tài sản cố định	220		5.353.955.299	6.156.127.749
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.531.937.985	5.127.387.191
Nguyên giá	222		8.874.173.737	8.874.173.737
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.342.235.752)	(3.746.786.546)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	822.017.314	1.028.740.558
Nguyên giá	228		1.461.041.429	1.461.041.429
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(639.024.115)	(432.300.871)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		341.176.701.130	339.075.792.040
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	11	341.160.492.307	339.059.583.217
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.208.823	16.208.823
VI. Tài sản dài hạn khác	260		205.556.556.579	174.086.343.247
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	124.033.483.007	86.711.723.118
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		27.914.064.355	29.708.712.916
3. Lợi thế thương mại	269		53.609.009.217	57.665.907.213
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>5.817.204.391.154</u>	<u>5.848.491.417.228</u>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu B 01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020		01/01/2020	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.723.004.586.463		2.725.465.213.535	
I. Nợ ngắn hạn	310		2.637.797.964.882		2.556.872.770.027	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	346.344.854.429		298.102.821.912	
2. Người mua trả tiền trước	312	14	1.076.310.711.306		1.080.540.061.584	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	139.496.708.525		167.631.834.098	
4. Phải trả công nhân viên	314		5.313.933.551		10.050.990.272	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	170.997.062.313		190.133.330.641	
6. Doanh thu chưa thực hiện	318		1.687.228.737		1.687.228.737	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	655.908.400.732		524.579.552.287	
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	182.259.431.185		250.150.308.126	
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		59.479.634.104		33.996.642.370	
II. Nợ dài hạn	330		85.206.621.581		168.592.443.508	
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	84.280.362.581		167.292.174.508	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	926.259.000		1.300.269.000	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.094.199.804.691		3.123.026.203.693	
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	3.094.199.804.691		3.123.026.203.693	
1. Vốn điều lệ	411		2.402.124.510.000		2.402.124.510.000	
- Cổ phiếu phổ thông	411a		2.402.124.510.000		2.402.124.510.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(66.000.000)		(66.000.000)	
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.900.400.000)		(3.900.400.000)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.884.333.254		21.819.749.847	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		661.681.195.641		702.572.531.024	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		659.302.655.028		99.343.360.670	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.378.540.613		603.229.170.354	
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		476.165.796		475.812.822	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430					
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		5.817.204.391.154		5.848.491.417.228	


Lê Thị Kim Tiến
Người lập
Ngày 10 tháng 08 năm 2020


Võ Đình Ban
Kế toán trưởng


Nguyễn Khánh Hưng
Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu B 02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng	01		541.806.052.776	357.632.353.038
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		82.687.176.175	2.979.869.010
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	22	459.118.876.601	354.652.484.028
4. Giá vốn hàng bán	11	23	327.593.440.405	161.440.690.815
5. Lợi nhuận gộp	20		131.525.436.196	193.211.793.213
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		61.011.853	152.444.365.214
7. Chi phí tài chính	22		8.459.773.817	426.746.628
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		8.459.773.817	426.746.628
8. Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	24	77.672.938.319	19.571.659.519
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	42.791.133.644	54.352.164.823
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.662.602.269	271.305.587.457
12. Thu nhập khác	31		2.504.023.125	2.268.749.928
13. Chi phí khác	32		660.892.560	19.946.599.902
14. Lợi nhuận khác	40		1.843.130.565	(17.677.849.974)
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.505.732.834	253.627.737.483
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	332.190.688	48.333.206.181
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		1.794.648.561	7.485.747.175
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.378.893.585	197.808.784.127
<i>Phân bổ cho:</i>				
18.1 Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		2.378.540.613	197.740.633.537
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		352.972	68.150.590
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27		930

Lê Thị Kim Tiên

Người lập

Ngày 10 tháng 08 năm 2020

Võ Đình Ban

Kế toán trưởng

Nguyễn Khánh Hưng

Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu B 03a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.505.732.834	253.627.737.483
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.826.059.076	19.684.096.776
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(61.011.853)	(152.444.365.214)
Chi phí lãi vay	06	8.459.773.817	426.746.628
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.730.553.874	121.294.215.673
Tăng các khoản phải thu	09	(50.512.006.667)	(811.580.894.634)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	72.782.194.494	(355.798.222.961)
Tăng các khoản phải trả	11	65.744.947.970	332.433.828.965
(Tăng) chi phí trả trước	12	(7.479.165.800)	(21.421.238.002)
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.459.773.817)	(426.746.628)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.755.870.523)	(80.170.018.741)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	1.518.978.266
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.722.300.853)	(18.907.175.672)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	58.328.578.678	(833.057.273.734)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	-	(11.671.482.558)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(65.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	297.390.104.087
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	16.756.290	2.823.213.521
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.243.710)	288.541.835.050
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41.494.783.185	84.447.331.081
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(109.759.670.126)	(88.350.203.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(68.264.886.941)	(3.902.872.837)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.984.551.973)	(548.418.311.521)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.049.658.795	586.332.938.081
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	30.065.106.822	37.914.626.560

Lê Thị Kim Tiến
Người lập
Ngày 10 tháng 08 năm 2020

Võ Đình Ban
Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Hưng
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư LDG (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3602368420, đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười bảy (17) ngày 28/05/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 104/4, Ấp Hòa Bình, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Cần Thơ tại Tầng 11, Tòa nhà Techcombank Cần Thơ, Số 45A-47, Đường 30/4, Phường An Lạc, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Văn phòng đại diện tại 194 Golden Building, Số 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi tiết các công ty con tại ngày 30/06/2020 như sau:

STT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	150.000.000.000	99,95%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	180.000.000.000	99,99%	Kinh doanh bất động sản
3	Công ty CP Đầu tư Grand World	400.000.000.000	99,90%	Kinh doanh bất động sản

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư LDG và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) là kinh doanh bất động sản.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30/06/2020 là 263 nhân viên (01/01/2020: 274 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ HOẠT ĐỘNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 trên cơ sở áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Kỳ hoạt động

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ hoạt động 06 tháng của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư khác

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tập đoàn quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Tài sản vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Máy móc và thiết bị	Số năm
Phương tiện vận tải	03 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 03 – 08

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 02 - 03 năm.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ hoạt động và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng. Chi phí hoa hồng môi giới được phân bổ khi doanh thu tương ứng với chi phí hoa hồng được ghi nhận.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tập đoàn và người bán (là đơn vị độc lập với Tập đoàn, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tập đoàn chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tập đoàn.

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tập đoàn và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tập đoàn.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	448.209.572	971.674.615
Tiền gửi ngân hàng	29.616.897.250	34.030.797.419
Các khoản tương đương tiền	-	5.047.186.761
Tổng	30.065.106.822	40.049.658.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng (1)	360.541.656.244	502.997.048.550
Trả trước cho người bán (2)	85.835.994.063	210.503.506.413
Phải thu cho vay ngắn hạn	978.000.000	913.000.000
Phải thu khác (3)	2.057.818.017.022	1.119.550.737.765
	2.505.173.667.329	1.833.964.292.728
Dự phòng phải thu ngắn hạn	-	-
Tổng	2.505.173.667.329	1.833.964.292.728

(1) Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng gồm:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Sao Vàng Tây Đô	74.856.103.899	74.104.824.108
Công ty CP Bắc Phước Kiến	73.070.474.793	264.302.179.651
Khách hàng cá nhân mua dự án Khu dân cư Tân Thịnh	72.380.479.270	103.007.248.700
Khách hàng cá nhân mua dự án Khu dân cư - dịch vụ Giang Điền (Khu A)	46.126.827.306	58.681.997.920
Khách hàng cá nhân mua dự án Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái Thác Giang Điền-Khu C	39.691.878.000	-
Khách hàng cá nhân mua dự án Khu dân cư Giang Điền	31.037.990.000	-
Khách hàng cá nhân mua dự án phát triển nhà ở thương mại "Chung cư Marina Tower", phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	14.481.608.687	-
Phải thu của các khách hàng khác	8.896.294.289	2.900.798.171
Tổng	360.541.656.244	502.997.048.550

(2) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn gồm:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh	8.830.895.444	22.078.247.014
Công ty CP Xây Dựng FBV	-	106.950.149.960
Công ty Cổ phần Du lịch Giang Điền	60.717.747.380	59.017.747.380
Khác	16.287.351.239	22.457.362.059
Tổng	85.835.994.063	210.503.506.413

(3) Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tạm ứng	165.112.206.436	104.763.933.973
Đặt cọc ký cược ký quỹ ngắn hạn	1.258.065.150.000	417.834.354.251
Phải thu hợp tác đầu tư	27.866.645.000	30.866.645.000
Thu hộ-chí hộ	9.863.803.922	8.132.668.722
Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	418.200.000.000	370.000.000.000
Phải thu khác	178.710.211.664	187.953.135.819
Tổng	2.057.818.017.022	1.119.550.737.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.416.599.046.923	1.431.311.257.959
Hàng hóa	851.400.000	485.070.000
Hàng hóa bất động sản	242.985.268.060	303.508.342.872
	1.660.435.714.983	1.735.304.670.831
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Tổng	1.660.435.714.983	1.735.304.670.831

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	69.321.967	64.865.724
Chi phí môi giới, hoa hồng các dự án	170.542.371.070	203.637.199.464
Chi phí chờ phân bổ các dự án	74.860.261.164	71.390.415.167
Chi phí khác	1.100.698.751	1.303.903.052
Tổng	246.572.652.952	276.396.383.407

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đặt cọc, ký quỹ ký cược dài hạn	561.405.913.915	1.165.747.313.915
Phải thu vốn hợp tác đầu tư	213.840.988.063	220.116.248.933
Tổng	775.246.901.978	1.385.863.562.848

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2020	485.228.182	7.459.176.367	929.769.188	8.874.173.737
Tại 30/06/2020	485.228.182	7.459.176.367	929.769.188	8.874.173.737

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2020	(340.128.370)	(2.720.676.748)	(685.981.428)	(3.746.786.546)
Khấu hao trong kỳ	(33.011.370)	(487.383.132)	(75.054.704)	(595.449.206)
Tại 30/06/2020	(373.139.740)	(3.208.059.880)	(761.036.132)	(4.342.235.752)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2020	145.099.812	4.738.499.619	243.787.760	5.127.387.191
Tại 30/06/2020	112.088.442	4.251.116.487	168.733.056	4.531.937.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền phần mềm VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2020	1.321.041.429	140.000.000	1.461.041.429
Tại 30/06/2020	1.321.041.429	140.000.000	1.461.041.429
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2020	(292.300.871)	(140.000.000)	(432.300.871)
Khấu hao trong kỳ	(206.723.244)	-	(206.723.244)
Tại 30/06/2020	(499.024.115)	(140.000.000)	(639.024.115)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2020	1.028.740.558	-	1.028.740.558
Tại 30/06/2020	822.017.314	-	822.017.314

11. CHI PHÍ SXKD DỄ DANG DÀI HẠN

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Một phần dự án Khu đô thị mới Bình Nguyên	273.909.424.931	273.064.879.477
Dự án Khu Du lịch - Thương mại - Giải trí - Thể thao đa chức năng tại xã Sơn Dương, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	1.610.909.090	-
Dự án tại xã Phước Tân, tỉnh Đồng Nai	65.245.826.468	65.245.826.468
Dự án khác	394.331.818	748.877.272
	341.160.492.307	339.059.583.217
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Tổng	341.160.492.307	339.059.583.217

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí hoa hồng môi giới	14.797.879.644	13.142.651.294
Chi phí chờ phân bổ dự án chung cư cao tầng tại Đại lộ Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM	84.591.609.701	53.880.194.059
Chi phí chờ phân bổ dự án khu chung cư cao tầng tại 69 đường An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM	22.960.833.113	17.117.824.405
Chi phí phân bổ dài hạn khác	1.683.160.549	2.571.053.360
Tổng	124.033.483.007	86.711.723.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Miền Đông	129.439.319.069	103.725.756.814
Công ty Cổ phần Bất động sản Linkgroup	-	47.719.657.431
Công ty Cổ Phần Thương Mại & Xây Dựng Phúc Thuận Phát	42.255.672.672	42.047.699.827
Công ty Cổ phần Xây dựng FBV	38.169.327.450	10.818.785.395
Các nhà cung cấp khác	136.480.535.238	93.790.922.445
Tổng	346.344.854.429	298.102.821.912

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Khách hàng cá nhân mua căn hộ của dự án phát triển nhà ở thương mại "chung cư Marina Tower", phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	543.603.688.259	658.633.931.690
Khách hàng trả tiền trước để mua đất nền của dự án Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu A) theo tiến độ hợp đồng	135.352.155.808	125.173.709.304
Khách hàng trả tiền trước để mua sản phẩm tại Khu TMDV thuộc dự án Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu A) theo tiến độ hợp đồng	32.834.615.412	33.361.827.339
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu dân cư Tân Thịnh theo tiến độ hợp đồng	324.374.729.453	223.434.882.364
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu dân cư Phú An tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo tiến độ hợp đồng	26.100.172.877	23.088.522.601
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái Thác Giang Điền - Khu C, quy mô 37ha theo tiến độ hợp đồng	10.758.872.227	11.663.969.699
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu Dân cư tại xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, quy mô 42ha theo tiến độ hợp đồng	3.286.477.270	5.183.218.587
Tổng	1.076.310.711.306	1.080.540.061.584

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.059.560.122	26.909.138
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	122.548.525.128	147.772.204.963
Thuế Thu nhập cá nhân	4.006.376.574	10.843.158.946
Các loại thuế khác	9.882.246.701	8.989.561.051
Tổng	139.496.708.525	167.631.834.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí phải trả dự án Khu Dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu A)	18.489.506.992	39.429.549.846
Chi phí phải trả Khu TMDV thuộc dự án Khu Dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu A)	1.462.523.611	1.393.355.591
Chi phí phải trả dự án chung cư cụm B, một phần khu dân cư 13E (phía nam), Đô thị mới Nam thành phố, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP.HCM	129.447.356.090	142.594.464.793
Chi phí phải trả dự án Grand World	5.336.195.343	-
Chi phí phải trả dự án Khu dân cư Tân Thịnh	882.729.530	1.486.041.450
Chi phí phải trả dự án phát triển nhà ở thương mại "Chung cư Marina Tower", phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	13.652.652.737	2.517.629.990
Chi phí phải trả dự án Khu Dân cư Phú An tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	1.266.312.739	1.266.312.739
Chi phí phải trả dự án mở rộng khu tái định cư sau trường dân tộc nội trú quận Ô Môn, TP Cần Thơ	459.785.271	471.094.457
Trích trước chi phí khác	-	974.881.775
Tổng	<u>170.997.062.313</u>	<u>190.133.330.641</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	295.316.226	279.381.375
Bảo hiểm	5.510.532.625	2.668.673
Nhận ký quỹ "Một phần dự án Khu đô thị mới Bình Nguyên"	259.870.000.000	259.870.000.000
Thu hộ	86.595.471.365	82.029.503.217
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	302.395.466.924	174.001.169.220
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.241.613.592	8.396.829.802
Tổng	<u>655.908.400.732</u>	<u>524.579.552.287</u>

18. VAY NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (*)	181.494.783.185	181.840.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Bình	764.648.000	814.652.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hồ Chí Minh	-	67.495.656.126
Tổng	<u>182.259.431.185</u>	<u>250.150.308.126</u>

(*) Tại ngày 23/08/2019 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, với hạn mức 200.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay thả nổi và quy định theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 07 căn hộ tại chung cư Phú Gia Hưng theo hợp đồng thế chấp số 0001.HĐTC-VIB880.19 ngày 25/03/2019 và 07 quyền sử dụng đất thuộc một phần dự án Khu đô thị mới Bình Nguyên theo hợp đồng thế chấp số 7690655.19 ngày 23/08/2019. Đến thời điểm dư nợ tại ngày 30/06/2020, tài sản đảm bảo cho khoản dư nợ này là 03 căn hộ tại chung cư Phú Gia Hưng và 07 quyền sử dụng đất thuộc một phần dự án Khu đô thị mới Bình Nguyên theo hợp đồng thế chấp số 7690655.19 ngày 23/08/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả hợp tác đầu tư	80.072.419.697	162.711.506.018
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.207.942.884	4.580.668.490
Tổng	<u>84.280.362.581</u>	<u>167.292.174.508</u>

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Bình	926.259.000	1.300.269.000
Tổng	<u>926.259.000</u>	<u>1.300.269.000</u>

Tại các ngày 18/08/2015, 14/06/2017, 14/08/2017, 08/10/2018, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Bình. Tổng số tiền vay là 4.240.000.000 đồng; lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời điểm quy định của ngân hàng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay là mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là các xe ô tô.

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

lic thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09a-DN/HN

VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đồng thiểu số VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	1.906.144.540.000	(66.000.000)	-	9.912.097.451	645.214.007.059	9.028.739.638	2.570.233.384.148
Tăng vốn	476.369.970.000	-	-	-	(476.369.970.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho NLD	19.610.000.000	-	-	-	(19.610.000.000)	-	-
Phát hành mới	-	-	-	-	-	260.000.000	260.000.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	603.229.170.354	54.292.053	603.283.462.407
Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	12.296.081.918	(12.296.081.918)	-	-
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	(41.883.423.993)	(15.019.958)	(41.898.443.951)
Thu hồi CP đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho NLD	-	-	(3.900.400.000)	-	3.900.400.000	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(234.480.000)	(234.480.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(388.429.522)	388.429.522	(8.617.718.911)	(8.617.718.911)
Tại ngày 31/12/2019	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(3.900.400.000)	21.819.749.847	702.572.531.024	475.812.822	3.123.026.203.693
Lợi nhuận	-	-	-	-	2.378.540.613	352.972	2.378.893.585
Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	12.064.583.407	(12.064.583.407)	-	-
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	(31.205.292.587)	-	(31.205.292.587)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(2)	-	-
Tại ngày 30/06/2020	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(3.900.400.000)	33.884.333.254	661.681.195.641	476.165.796	3.094.199.804.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

	30/06/2020	01/01/2020
Cổ phiếu	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	240.212.451	240.212.450
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	240.212.451	240.212.450
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>240.212.451</i>	<i>240.212.450</i>
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>390.040</i>	<i>390.040</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	240.212.451	240.212.450
- <i>Cổ phần phổ thông</i>	<u>240.212.451</u>	<u>240.212.450</u>
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		
22. DOANH THU THUẬN		
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	534.990.676.357	169.149.308.737
Doanh thu cung cấp dịch vụ bất động sản	6.815.376.419	188.483.044.301
	<u>541.806.052.776</u>	<u>357.632.353.038</u>
Các khoản giảm trừ		
- Hàng bán bị trả lại	(82.687.176.175)	(2.979.869.010)
Tổng	<u>459.118.876.601</u>	<u>354.652.484.028</u>
23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa bất động sản	323.298.144.032	98.399.333.120
Giá vốn của dịch vụ bất động sản	4.295.296.373	63.041.357.695
Tổng	<u>327.593.440.405</u>	<u>161.440.690.815</u>
24. CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí tiền lương nhân viên	6.361.589.972	5.630.081.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.344.230.087	5.607.346.053
Chi phí khác bằng tiền	11.967.118.260	8.334.232.234
Tổng	<u>77.672.938.319</u>	<u>19.571.659.519</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên	25.608.283.321	24.956.506.394
Chi phí đồ dùng văn phòng	773.831.628	1.129.879.538
Chi phí khấu hao TSCĐ	769.161.080	770.410.182
Thuế, phí và lệ phí	14.000.000	71.551.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.857.440.446	10.750.780.664
Chi phí khác	1.711.519.173	1.678.427.945
Lợi thế thương mại	4.056.897.996	14.994.608.556
Tổng	42.791.133.644	54.352.164.823

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	4.505.732.834	253.627.737.483
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	14.280.189.180	60.862.841.747
Hoàn nhập giá vốn chưa thực hiện	-	800.413.835
Doanh thu chưa thực hiện	-	104.405.942
Chi phí trích trước	8.162.453.546	34.486.431.586
Các khoản điều chỉnh khi hợp nhất	4.854.953.009	3.865.411.810
Điều chỉnh chi phí trích bổ sung năm 2018	-	19.561.087
Chi phí không được trừ	1.262.782.625	21.586.617.487
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	(17.135.696.349)	(72.824.548.323)
Giá vốn doanh thu chưa thực hiện	-	(85.993.689)
Hoàn nhập chi phí trích trước	(17.135.696.349)	(71.681.592.197)
Hoàn nhập doanh thu chưa thực hiện	-	(1.056.962.437)
Thu nhập chịu thuế	1.650.225.665	241.666.030.907
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	330.045.133	48.333.206.181
Điều chỉnh theo kiểm tra thuế các năm trước	2.145.555	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	332.190.688	48.333.206.181

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.378.540.613	197.740.633.537
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(118.927.031)	(9.887.031.677)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.259.613.582	187.853.601.860
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	240.212.451	202.071.207
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9	930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Ngọc Huyền	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 18/06/2020)
Ông Lương Trí Thảo	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 06/04/2020)

Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 <u>VND</u>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 <u>VND</u>
Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh		
Dịch vụ môi giới bất động sản	-	43.048.017

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2020 <u>VND</u>	01/01/2020 <u>VND</u>
Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh		
Ứng trước tiền mua cổ phần	8.830.895.444	22.078.247.014

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 <u>VND</u>	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 <u>VND</u>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
Lương và các khoản thu nhập khác	5.376.929.259	8.361.056.377

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tập đoàn không lập báo cáo bộ phận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 vì lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Tập đoàn là kinh doanh bất động sản, ngoài ra các hàng hóa, dịch vụ khác chủ yếu là phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh chính.

Do đó Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tập đoàn và báo cáo tài chính của Tập đoàn không thuộc phạm vi áp dụng yêu cầu trình bày như quy định của chuẩn mực.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG
Số 104/4, Ấp Hòa Bình, Xã Giang Điền,
Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

30. THÔNG TIN SO SÁNH

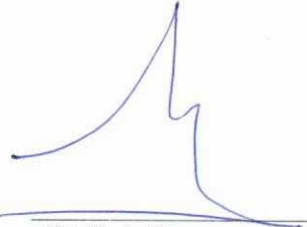
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét.



Lê Thị Kim Tiên

Người lập

Ngày 10 tháng 08 năm 2020



Võ Đình Ban

Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Hưng

Chủ tịch HĐQT